

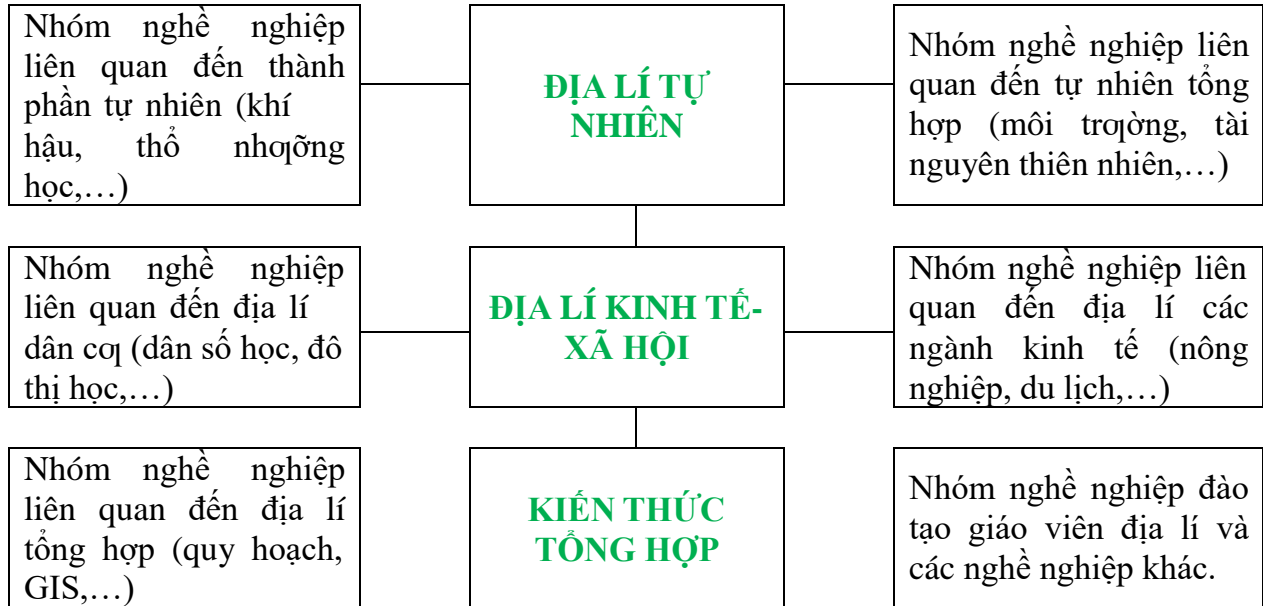
# TRƯỜNG THPT UÔNG BÍ

## HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ - NĂM HỌC 2022-2023

### MÔN: ĐỊA LÝ- LỚP 10

#### A. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM

##### CHỦ ĐỀ 1: MÔN ĐỊA LÝ VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH



##### CHỦ ĐỀ 2: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

#### I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ TRÊN BẢN ĐỒ

##### 1. PHƯƠNG PHÁP KÍ HIỆU

- Thường được sử dụng để biểu hiện vị trí của những đối tượng địa lý phân bố theo điểm. Ví dụ: trung tâm hành chính, sân bay, nhà ga, điểm dân cư, trung tâm công nghiệp,...
- Kí hiệu bản đồ biểu hiện số lượng, quy mô và chất lượng của đối tượng địa lý. Có ba dạng kí hiệu bản đồ chủ yếu: Dạng chữ; Dạng tượng hình; Dạng hình học.

##### 2. PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG

- Sử dụng để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng địa lý tự nhiên và kinh tế-xã hội. Ví dụ: hướng gió, hướng dòng biển, hướng động vật di cư, hướng vận tải hàng hóa, di dân,...
- Màu sắc và kích thước (độ đậm, chiều rộng, chiều dài) các đường chuyển động biểu hiện kiểu loại, khối lượng hay tốc độ di chuyển của đối tượng.

##### 3. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

- Sử dụng để biểu hiện các đối tượng địa lý có sự phân bố phân tán trong không gian. Ví dụ: phân bố dân cư, phân bố cơ sở chăn nuôi,... Mỗi chấm tượng ứng với một giá trị nhất định.

##### 4. PHƯƠNG PHÁP KHOANH VÙNG

- Thường sử dụng để biểu hiện những đối tượng địa lý phân bố tập trung (hoặc phổ biến) trên một không gian lãnh thổ nhất định. Ví dụ: sự phân bố các kiểu thảm thực vật, các nhóm đất, các vùng chuyên canh cây trồng,... Mỗi vùng phân bố được xác định bằng nền mà, nét chải hoặc kí hiệu đặc trưng cho đối tượng biểu hiện.

## 5. PHƯƠNG PHÁP BẢN ĐỒ-BIỂU ĐỒ

- Biểu hiện sự phân bố của đối tượng địa lí bằng cách đặt các biểu đồ vào không gian phân bố của đối tượng địa lí đó trên bản đồ. Ví dụ: cơ cấu sử dụng đất theo lãnh thổ, cơ cấu dân số các quốc gia, diện tích và sản lượng cây trồng,...

\* Ngoài ra, còn có các phương pháp biểu hiện bản đồ khác như: phương pháp nền chất lượng, phương pháp đường đẳng trị,...

## II. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG

- Bản đồ (Atlas) là phương tiện không thể thiếu trong học tập Địa lí. Các bước sử dụng bản đồ trong học tập gồm:

+ Bước 1: Lựa chọn nội dung bản đồ.

+ Bước 2: Đọc chú giải, tỉ lệ bản đồ và xác định phương hướng trên bản đồ.

+ Bước 3: Đọc nội dung bản đồ.

- Bản đồ được sử dụng ngày càng phổ biến trong đời sống. Các bước sử dụng bản đồ trong đời sống cũng tương tự như trong học tập. Tuy nhiên, sự phát triển của các thiết bị điện tử thông minh có trang bị bản đồ số, hệ thống định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System) đã giúp cho việc sử dụng bản đồ trong đời sống được thuận tiện hơn. Người sử dụng có thể nhanh chóng khai thác được những thông tin cần thiết tùy theo mục đích sử dụng cụ thể.

## III. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GPS VÀ BẢN ĐỒ SỐ TRONG ĐỜI SỐNG

- GPS là một hệ thống các vệ tinh bay xung quanh Trái Đất theo một quỹ đạo chính xác và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất. Các máy GPS nhận thông tin này để xác định vị trí của đối tượng trên mặt đất, được hiển thị thông qua hệ tọa độ địa lí và độ cao tuyệt đối.

- Hệ thống GPS thường được kết nối với bản đồ số và phát triển trên môi trường internet, tạo thành hệ thống bản đồ trực tuyến, được tích hợp sẵn trên máy tính hoặc các thiết bị điện tử thông minh.

- Ngày nay, GPS và bản đồ số được ứng dụng rất phổ biến trong đời sống. Ví dụ: xác định vị trí người dùng hoặc các đối tượng địa lí trên bề mặt Trái Đất, tìm kiếm đường đi, giám sát lộ trình, tốc độ di chuyển các phương tiện giao thông trên bản đồ,...

## CHỦ ĐỀ 3: TRÁI ĐẤT

### I. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT

- Có nhiều giả thuyết khác nhau về nguồn gốc của Trái Đất.

- Một số giả thuyết cho rằng, ban đầu hệ Mặt Trời là một đám mây bụi quay tròn gọi là tinh vân Mặt Trời.

Trong khi quay, lực hấp dẫn và quán tính làm đám mây trở nên phẳng hơn hình dạng một cái đĩa, vuông góc với trục quay của nó. Đồng thời khối bụi lớn nhất tập trung vào trung tâm, nóng lên và cô đặc lại tạo thành Mặt Trời; phần còn lại xung quanh tạo thành các vành xoắn ốc. Các vành xoắn ốc dần kết tụ lại dưới tác dụng của trọng lực và trở thành các hành tinh, trong đó có Trái Đất.

### II. VỎ TRÁI ĐẤT. VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT

- Vỏ Trái Đất rắn chắc, nằm ngoài cùng của Trái Đất, gồm: vỏ lục địa và vỏ đại dương có độ dày dao động từ 5 km (ở đại dương) đến 70 km (ở lục địa).

- Những vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất:

+ Khoáng vật: có khoảng 5000 loại, trong đó 90% là nhóm si-li-cat.

+ Đá gồm 3 loại: mac-ma (khoảng 95%), trầm tích và biến chất.

> Đá mac-ma (gra-nit, ba-dan,...): có các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. Đá được hình thành từ khối mac-ma nóng chảy ở dưới sâu, khi trào lên mặt đất sẽ nguội và rắn đi.

> Đá trầm tích (đá phiến sét, đá vôi,...): có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song, xen kẽ với nhau. Đá được hình thành ở những miền đất trũng, do sự lắng tụ và nén chặt của các vật liệu phá hủy từ các loại đá khác nhau.

> Đá biến chất (đá gơnai, đá hoa,...): có các tinh thể màu sắc khác nhau. Đá được hình thành từ các loại đá mac-ma và trầm tích, bị thay đổi tính chất trong điều kiện chịu tác động của nhiệt độ cao và sức nén lớn

### **III. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG**

- Theo thuyết kiến tạo mảng, thạch quyển gồm một số mảng kiến tạo. Các mảng này có bộ phận nổi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo và có bộ phận trũng, thấp bị nước bao phủ là đại dương.
- Các mảng kiến tạo nổi lên trên lớp vật chất quán dẻo thuộc phần trên của lớp man-ti. Hoạt động của các dòng đối lưu vật chất quán dẻo và có nhiệt độ cao trong lớp man-ti trên làm cho các mảng không đứng yên mà dịch chuyển trên lớp quán dẻo này.
- Mỗi mảng kiến tạo đều trôi nổi và di chuyển độc lập với tốc độ chậm (chỉ khoảng vài cm/năm). Trong khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời nhau, xô vào nhau; kết quả là tạo ra các sống núi ngầm, động đất, núi lửa, các dãy núi trẻ,...hiệt độ cao và sức nén lớn.

### **IV. HỆ QUẢ ĐỊA LÝ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CHÍNH CỦA TRÁI ĐẤT**

#### **1. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT**

##### **a. SỰ LUÂN PHIÊN NGÀY ĐÊM**

- Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều có sự luân phiên ngày và đêm, nhờ đó có sự điều hòa nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất □ Đây là yếu tố quan trọng cho sự sống tồn tại và phát triển.

##### **b. GIỜ TRÊN TRÁI ĐẤT**

- Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên các địa điểm trên cùng một kinh tuyến có một giờ riêng gọi là giờ địa phương □ tại cùng một thời điểm, các địa điểm nằm trên các kinh tuyến khác nhau có giờ địa phương khác nhau.

- Để thuận lợi cho sinh hoạt hằng ngày của mỗi quốc gia, người ta phải quy định một giờ thống nhất cho từng khu vực, gọi là giờ khu vực (múi giờ). Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó.

- Để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Oa-sinh-ton (Hoa Kỳ) vào năm 1884 đã thống nhất lấy giờ ở khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua làm giờ quốc tế hay còn gọi là giờ GMT (Greenwich Mean Thời gian) và đánh số 0.

- Trái Đất hình cầu nên khu vực giờ số 0 đối diện với khu vực giờ số 12, ở đây sẽ có hai ngày lịch khác nhau □ kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ lùi lại một ngày lịch và ngược lại thì sẽ tăng thêm một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.

#### **2. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT**

##### **a. CÁC MÙA TRONG NĂM**

- Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục của Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương nên có lúc bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có lúc bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời. Do thời gian chiếu sáng và lượng nhiệt thu nhận được ở mỗi bán cầu có sự thay đổi trong năm nên sinh ra các mùa.

- Mỗi mùa trong năm có sự khác nhau về thời tiết, khí hậu và độ dài ngày đêm. Thời gian bắt đầu và kết thúc mỗi mùa cũng có sự khác nhau theo cách tính lịch dương hoặc âm. Ở vùng ôn đới, một năm có bốn mùa khá rõ rệt; ở vùng nhiệt đới, mùa xuân và mùa thu thòng ngắn, không rõ rệt. Mùa ở hai bán cầu luôn trái ngược nhau.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc các mùa ở bán cầu Bắc theo dương lịch:

- + Mùa xuân: từ 21/3 (xuân phân) đến 22/6 (hạ chí).
- + Mùa hạ: từ 22/6 (hạ chí) đến 23/9 (thu phân).
- + Mùa thu: từ 23/9 (thu phân) đến 22/12 (đông chí)
- + Mùa đông: từ 22/12 (đông chí) đến 21/3 (xuân phân).

#### b. NGÀY ĐÊM DÀI NGẮN THEO VĨ ĐỘ

- + Ngày 22-6: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng dài ra và đêm càng ngắn lại; Còn ở bán cầu Nam thì ngược lại ngày càng ngày càng ngắn và đêm càng dài.
- + Ngày 22-12: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng ngắn, đêm càng dài ra; Còn ở bán cầu Nam thì ngày càng dài, đêm ngắn lại.
- Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về phía hai cực.

## CHỦ ĐỀ 4: THẠCH QUYỂN

### I. THẠCH QUYỂN

- Là phần trên cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti. Thành phần cấu tạo của thạch quyển chủ yếu là các đá ở thể rắn.
- Giới hạn của thạch quyển ở độ sâu khoảng 100 km. Độ dày không đồng nhất, mỏng hơn ở vỏ đại dương và dày hơn ở vỏ lục địa.

### II. KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NỘI LỰC

- Nội lực là lực sinh ra từ bên trong Trái Đất.
- Nguyên nhân của nội lực chủ yếu do nguồn năng lượng từ quá trình phân hủy các chất phóng xạ, sự sắp xếp vật chất theo trọng lực và các phản ứng hóa học,... xảy ra bên trong Trái Đất.

### III. TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH ĐỊA HÌNH

- Nội lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm biến dạng vỏ Trái Đất, tạo nên sự thay đổi địa hình.

#### \* *Hiện tượng uốn nếp*

- Tại những khu vực cấu tạo bằng các loại đá mềm, vận động nén ép làm cho vỏ Trái Đất bị uốn nếp. Nếu cường độ nén ép mạnh sẽ hình thành các vùng núi uốn nếp: hệ thống núi Hi-ma-laya, An-đét, Coóc-đi-e

#### \* *Hiện tượng đứt gãy*

- Tại những khu vực cấu tạo bởi đá cứng, vận động kiến tạo làm lớp đá của vỏ Trái Đất bị nứt vỡ, hình thành các vết nứt hoặc đứt gãy kéo dài. Hai bên đứt gãy có bộ phận dẹt lên (tạo thành dãy núi, khối núi,...) và có bộ phận hạ thấp (tạo thành thung lũng).

- Các đứt gãy lớn đã tạo điều kiện để hình thành nhiều thung lũng sông trên bề mặt Trái Đất.

- Dọc theo đứt gãy có thể hình thành biển hoặc các hồ tự nhiên, VD: biển đỏ và các hồ ở khu vực phía đông lục địa Phi.

#### \* *Hoạt động núi lửa*

- Hoạt động núi lửa có thể xuất hiện trên lục địa và trên biển, đại dương. Núi lửa làm thay đổi địa hình do hoạt động phun trào và đông cứng mac-ma trên bề mặt Trái Đất.

- Trên lục địa, hoạt động núi lửa tạo thành các ngọn núi lửa đứng độc lập hoặc tập hợp thành khối, dãy núi lửa. Miệng núi lửa đã ngừng hoạt động thường tạo thành thung lũng hoặc hồ tự nhiên (hồ núi lửa).

- Dọc theo các đứt gãy, hoạt động núi lửa có thể phun trào mac-ma trên diện rộng, tạo thành những bề mặt địa hình rộng lớn, VD: các cao nguyên ba-dan ở Tây Nguyên của nước ta.

- Hoạt động núi lửa còn tạo nên các đảo, quần đảo ở nhiều vùng biển và đại dương trên thế giới.

### IV. SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐẠI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA TRÊN TRÁI ĐẤT

- Vành đai động đất: phía tây châu Mỹ, giữa Đại Tây Dương, từ Địa Trung Hải qua Nam Á đến In-đô-nê-xi-a, phía tây Thái Bình Dương.
- Vành đai núi lửa: phía tây châu Mỹ, đông Đại Tây Dương, từ Địa Trung Hải qua Nam Á đến In-đô-nê-xi-a, phía tây Thái Bình Dương.
- Các vành đai động đất, núi lửa nằm ở nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo, nơi diễn ra sự chuyển dịch của các mảng (tách rời hoặc xô húc nhau).
- Động đất, núi lửa thường tập trung ở ranh giới các mảng thạch quyển, tạo nên các vành đai động đất và vành đai núi lửa trên Trái Đất.

## V. NGOẠI LỰC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

### 1. KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NGOẠI LỰC

- Ngoại lực là lực sinh ra trên bề mặt Trái Đất.
- Năng lượng bức xạ Mặt Trời là nguyên nhân chủ yếu của ngoại lực. Các yếu tố khí hậu, thủy văn và sinh vật là những nhân tố tác động của ngoại lực.

### 2. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH

- Ngoại lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình: phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.
- Các quá trình ngoại lực không có ranh giới rõ ràng và chúng có thể đan xen lẫn nhau.

#### a. QUÁ TRÌNH PHONG HÓA

- Phong hóa là quá trình phá hủy và làm biến đổi các loại đá và khoáng vật do tác động của các nhân tố ngoại lực.

- Các loại phong hóa chủ yếu là phong hóa lí học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học.

##### + Phong hóa lí học

- > Là quá trình phá hủy, làm các đá, khoáng vật bị vỡ với kích thước khác nhau nhưng không thay đổi thành phần và tính chất.

- > Thường xảy ra mạnh ở những nơi nhiệt độ có sự dao động lớn theo ngày-đêm và ở những khu vực bề mặt có nước bị đóng băng.

- > Sự dao động nhiệt cũng có thể làm khối đá bị tách vỡ do nước trong các khe nứt bị đóng băng vào ban đêm hoặc vào mùa đông.

##### + Phong hóa hóa học

- > Là quá trình phá hủy, làm biến đổi thành phần, tính chất của đá và khoáng vật do tác động của nước, nhiệt độ, các chất hòa tan trong nước (khí ô-xy, khí cac-bo-nic, a-xit hữu cơ, a-xit vô cơ,...).

- > Diễn ra mạnh trong điều kiện khí hậu nóng ẩm.

- > Ở những nơi có đá dễ hòa tan (đá vôi, thạch cao,...), phong hóa hóa học thường tạo nên những dạng địa hình cac-xtơ trên bề mặt và cac-xtơ ngầm rất độc đáo.

##### + Phong hóa sinh học

- > Là quá trình phá hủy đá và khoáng vật dưới tác động của sinh vật (thực vật, nấm, vi khuẩn,...) làm các đá bị biến đổi cả về mặt lí học và hóa học.

- > VD: sự phát triển của rễ cây làm đá bị nứt vỡ, các chất hữu cơ từ hoạt động sống của sinh vật có thể làm các đá bị biến đổi về thành phần, tính chất,...

- Sản phẩm của quá trình phong hóa là vỏ phong hóa. Trên bề mặt Trái Đất, vỏ phong hóa dày ở vùng nhiệt đới ẩm và mỏng ở vùng khô hạn, lạnh giá.

#### b. QUÁ TRÌNH BÓC MÒN

- Bóc mòn là quá trình các nhân tố ngoại lực (nước chảy, gió, sóng biển, băng hà,...) làm dời chuyển các sản phẩm đã bị phong hóa ra khỏi vị trí ban đầu. Địa hình do bóc mòn rất đa dạng về tên gọi và hình thái tùy thuộc vào các nhân tố tác động.

- Xâm thực là quá trình bóc mòn do dòng nước tạo thành các dạng địa hình khác nhau như khe rãnh, mương xói, thung lũng sông,...

- Thổi mòn (khoét mòn) là quá trình bóc mòn do gió tạo thành các dạng địa hình khác nhau như nấm đá, rãnh thổi mòn, hoang mạc đá,...
- Mài mòn là quá trình bóc mòn do sóng biển tạo thành các vách biển, hàm ếch, nền mài mòn,...
- Nạo mòn là quá trình bóc mòn do băng hà tạo thành các dạng địa hình chủ yếu là mảng băng, phi-o, đá trán cừ,...

### c. QUÁ TRÌNH VẬN CHUYỂN VÀ BỒI TỤ

#### - Vận chuyển:

- + Là sự tiếp nối của quá trình bóc mòn, làm vật liệu di chuyển theo các nhân tố ngoại lực.
- + Khoảng cách (xa hay gần) và hình thức vận chuyển (lăn, nhảy cóc hoặc cuốn theo các nhân tố ngoại lực) phụ thuộc vào kích thước, khối lượng vật liệu, tốc độ di chuyển của các nhân tố ngoại lực.
- + Vận chuyển có vai trò cung cấp nguồn vật liệu cho quá trình bồi tụ.

- Bồi tụ: là sự kết thúc của quá trình vận chuyển, làm tích tụ vật liệu tạo nên các dạng địa hình như: nón phóng vật (do dòng chảy tạm thời), bãi bồi và đồng bằng châu thổ (do dòng chảy thường xuyên); thạch nhũ (do kết tủa hóa học trong hang động); đụn cát, cồn cát (do gió); bãi biển, cồn cát ngầm (do sóng biển); đồng bằng băng thủy (do băng tan),...

## CHỦ ĐỀ 5: KHÍ QUYỂN

### I. KHÁI NIỆM KHÍ QUYỂN

- Khí quyển là lớp không khí bao quanh trái Đất, thường xuyên chịu ảnh hưởng của vũ trụ, trở lại Mặt Trời.

- Không khí bao gồm các thành phần: khí ni-tơ (78%); khí ô-xy (21%); hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác (1%).

- Cấu tạo khí quyển gồm một số tầng: tầng đối lưu (chứa đến 80% khối lượng không khí của khí quyển, có ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người và sinh vật), tầng bình lưu, tầng giữa, tầng nhiệt và tầng ngoài cùng.

### II. SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT

#### 1. THEO VĨ ĐỘ ĐỊA LÍ

- Nhiệt lượng bức xạ mặt trời ngoài một phần trực tiếp đốt nóng không khí, còn phần lớn là do bề mặt đất hấp thụ sau đó phản hồi vào không khí, tạo nên nhiệt độ không khí.

- Nhiệt lượng bức xạ mặt trời đến bề mặt Trái Đất thay đổi theo góc chiếu của tia bức xạ mặt trời.

- Do góc chiếu thay đổi theo vĩ độ nên nhiệt độ không khí cũng thay đổi theo vĩ độ.

#### 2. THEO LỤC ĐỊA VÀ ĐẠI DƯƠNG

- Nhận xét sự thay đổi của nhiệt độ trung bình tháng 1, tháng 7 và biên độ nhiệt độ năm ở các địa điểm nằm từ tây sang đông trên khoảng vĩ tuyến 48°B

+ Nhiệt độ tháng 1: Càng vào sâu trong nội địa nhiệt độ càng giảm (Bret 16,9°C; Mui-nich -0,5°C; Bra-ti-xia-va -1°C và Đô-net -4,3°C).

+ Nhiệt độ tháng 7: Càng vào sâu trong nội địa nhiệt độ càng tăng lên (Bret 6,9°C; Mui-nich 17,8°C; Bra-ti-xia-va 21,3°C và Đô-net 21,7°C).

- Sự thay đổi nhiệt độ theo lục địa và đại dương

+ Do sự hấp thụ và tỏa nhiệt khác nhau giữa lục địa và đại dương nên nhiệt độ không khí cũng có sự khác biệt giữa lục địa và đại dương.

+ Mặc dù ở cùng vĩ độ nhưng nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm không giống nhau giữa lục địa và đại dương.

+ Càng vào sâu trong lục địa, biên độ nhiệt độ càng tăng do ảnh hưởng của biển giảm.

+ Nhiệt độ không khí cũng có sự thay đổi giữa bờ tây và bờ đông của lục địa do ảnh hưởng của các dòng biển.

### 3. THEO ĐỊA HÌNH

- Nhiệt độ không khí tại điểm: A-6°C; B-9°C; C-12°C; D-18°C. Nguyên nhân có sự khác nhau về nhiệt độ tại các địa điểm là do càng lên cao nhiệt độ càng giảm, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm xuống 0,6°C.

- Sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình:

+ Độ cao, độ dốc, hướng sườn núi và hình thái địa hình đều có tác động đến sự thay đổi của nhiệt độ.

+ Càng lên cao, không khí càng loãng, bức xạ nhiệt của mặt đất càng mạnh nên nhiệt độ càng giảm. Lên cao 100 m, nhiệt độ giảm 0,6°C.

+ Sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng.

+ Địa hình cao, thoáng gió có biên độ nhiệt độ ngày đêm nhỏ hơn so với địa hình thấp trũng, khuất gió.

## B. PHẦN KỸ NĂNG

Vẽ biểu đồ, làm việc với bảng số liệu, biểu đồ. Kỹ năng tính toán.

## C. ĐỀ MINH HỌA

TRƯỜNG THPT UÔNG BÍ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Địa lí, Lớp 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: ..... Học sinh Lớp: .....

MÃ ĐỀ 798

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm môn Địa lí?

- A. Gồm địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội độc lập với nhau.
- B. Gồm địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội gắn bó với nhau.
- C. Chỉ phản ánh được mặt xã hội.
- D. Chỉ phản ánh được mặt tự nhiên.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** phải vai trò của môn Địa lí?

- A. Cung cấp kiến thức cơ bản.
- B. Định hướng những nghề nghiệp.
- C. Giúp ta biết cách ứng xử và thích nghi với những thay đổi.
- D. Giúp ta biết cách không cần sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 3:** Phương pháp kí hiệu động chuyển động thường dùng để thể hiện các đối tượng địa lí

- A. phân bố theo điểm.
- B. di chuyển theo các tuyến.
- C. phân bố theo tuyến.
- D. phân bố rải rác trên một vùng.

**Câu 4:** Phương pháp khoanh vùng thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm

- A. phân bố tập trung theo điểm.
- B. phân bố ở những khu vực nhất định.
- C. phân bố ở phạm vi rộng lớn.
- D. phân bố phân tán, lẻ tẻ.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của phương pháp kí hiệu?

- A. Xác định được vị trí của đối tượng.
- B. Thể hiện được quy mô của đối tượng.
- C. Biểu hiện động lực phát triển đối tượng.
- D. Thể hiện được tốc độ di chuyển đối tượng.

**Câu 6:** Để thể hiện hướng di chuyển của gió trên bản đồ cần phải dùng phương pháp nào sau đây?

- A. Kí hiệu.
- B. Chấm điểm.
- C. Bản đồ biểu đồ.
- D. Kí hiệu đường chuyển động.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây đúng về vỏ Trái Đất?

- A. Vỏ đại dương có độ dày khoảng 5km.
- B. Vỏ lục địa có độ dày khoảng 5 km.
- C. Vỏ đại dương có độ dày khoảng 70 km.
- D. Vỏ lục địa và đại dương đồng nhất về độ dày.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vỏ Trái Đất?

- A. Gồm vỏ lục địa và vỏ đại dương.
- B. Vỏ lục địa dày hơn vỏ đại dương.
- C. Có sự đồng nhất về độ dày.
- D. Cấu tạo chủ yếu là đá và khoáng vật.

**Câu 9:** Ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Xảy ra các loại hoạt động kiến tạo.
- B. Là những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.
- C. Có nhiều hoạt động núi lửa, động đất.
- D. Có những sông núi ngầm ở đại dương.

**Câu 10:** Các mảng kiến tạo có thể di chuyển là do

- A. các dòng đối lưu vật chất quán đèo của manti trên.
- B. hút mạnh mẽ từ các thiên thể gần Trái Đất.
- C. do Trái Đất luôn tự quay quanh trục của chính nó.
- D. do Trái Đất bị nghiêng và quay quanh mặt trời.

**Câu 11:** Thạch quyển là lớp vỏ cứng ngoài cùng của Trái Đất bao gồm phần trên của lớp Manti và

- A. vỏ lục địa.
- B. vỏ Trái Đất.
- C. Manti dưới.
- D. vỏ đại dương.

**Câu 12:** Quá trình nào sau đây thuộc tác động nội lực?

- A. Nâng lên, hạ xuống, uốn nếp, đứt gãy.
- B. Nâng lên, hạ xuống, bóc mòn, vận chuyển.
- C. Uốn nếp, đứt gãy, bồi tụ, vận chuyển.
- D. Uốn nếp, đứt gãy, xâm thực, bóc mòn.

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây đúng với quá trình phong hoá?

- A. Chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.
- B. Di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
- C. Tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.
- D. Phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 14:** Ngoại lực là

- A. lực phát sinh từ lớp vỏ Trái Đất.
- B. lực phát sinh từ bên trong Trái Đất.
- C. lực phát sinh từ các thiên thể trong Hệ Mặt Trời.
- D. lực phát sinh từ bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.

**Câu 15:** Tầng nào của khí quyển chiếm khối lượng không khí lớn nhất?

- A. Tầng đối lưu.
- B. Tầng bình lưu.
- C. Tầng giữa.
- D. Tầng nhiệt.

**Câu 16:** Thành phần chính trong không khí là khí

- A. Nitơ.
- B. Ô xi.
- C. Cacbonic.
- D. Hơi nước.

**Câu 17:** Khoa học Địa lí cần cho những người hoạt động

- A. ở tất cả các lĩnh vực sản xuất.
- B. chỉ ở phạm vi ngoài thiên nhiên.
- C. chỉ ở lĩnh vực công tác xã hội.
- D. chỉ thuộc phạm vi ở biển đảo.

**Câu 18:** Nghề nào sau đây liên quan trực tiếp tới địa lí tự nhiên?

- A. Môi trường.
- B. Đô thị học.
- C. Công nghiệp.
- D. Du lịch.

**Câu 19:** Ứng dụng phổ biến của bản đồ số trong đời sống hằng ngày là

- A. tìm đường đi.
- B. lộ địa chỉ nhà.
- C. cập nhật kiến thức.
- D. thu phóng bản đồ.

**Câu 20:** Để các ứng dụng GPS và bản đồ số trở nên hiệu quả và hữu ích cần có

- A. thiết bị vô tuyến điện.
- B. thiết bị điện tử kết nối internet.
- C. bản đồ in trên giấy và la bàn.
- D. thiết bị điện tử chuyên dụng.

**Câu 21:** Theo giờ địa phương, các địa phương có cùng một giờ khi nằm trong cùng một

- A. múi giờ.
- B. kinh tuyến.
- C. vĩ tuyến.
- D. khu vực.

**Câu 22:** Ở Nam bán cầu, từ 21/3 đến 22/6 là thời gian mùa

- A. xuân.
- B. hạ.
- C. thu.
- D. đông.

**Câu 23:** Bề mặt Trái Đất được chia ra làm bao nhiêu múi giờ?

- A. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng  $15^0$  kinh tuyến.
- B. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng  $15^0$  kinh tuyến.
- C. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng  $30^0$  kinh tuyến.
- D. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng  $30^0$  kinh tuyến.

**Câu 24:** Các lớp đá bị đứt gãy trong điều kiện vận động kiến tạo theo phương

- A. ngang ở vùng đá cứng.
- B. ngang ở vùng đá mềm.



C. đứng ở vùng đá mềm.

D. đứng ở vùng đá cứng.

**Câu 25:** Tác động của ngoại lực, một chu trình hoàn chỉnh nhìn chung diễn ra tuần tự theo các quá trình nhọ sau

A. phong hoá - vận chuyển - bóc mòn - bồi tụ.

B. phong hoá - bồi tụ - bóc mòn - vận chuyển.

C. phong hoá - bóc mòn - vận chuyển - bồi tụ.

D. phong hoá - bóc mòn- bồi tụ - vận chuyển.

**Câu 26:** Phong hoá hoá học là

A. sự phá huỷ đá thành các khối vụn; làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.

B. quá trình phá huỷ đá, chủ yếu làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.

C. việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.

D. sự phá huỷ đá thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

**Câu 27:** Nhân tố nào sau đây **không** có tác động nhiều đến sự phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

A. Độ lớn góc nhập xạ.

B. Thời gian chiếu sáng.

C. Tính chất mặt đệm.

D. Sự phân bố khoáng sản.

**Câu 28:** Nhiệt độ không khí ở chân núi sơn đón gió là  $28^{\circ}\text{C}$  thì đến độ cao 2000m nhiệt độ không khí là bao nhiêu?

A.  $6^{\circ}\text{C}$ .

B.  $16^{\circ}\text{C}$ .

C.  $26^{\circ}\text{C}$ .

D.  $0,6^{\circ}\text{C}$ .

## II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM Ở VIỆT NAM

(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

Địa điểm	Hà Nội	Huế	TP. Hồ Chí Minh
Nhiệt độ trung bình năm	23,5	25,1	27,1

(Nguồn: SGK Địa lí 12 Nâng cao, trang 44)

a. Vẽ biểu đồ cột để so sánh nhiệt độ trung bình năm của ba địa điểm trên.

b. Từ biểu đồ đã vẽ, hãy so sánh nhiệt độ trung bình năm của ba địa điểm trên.

**Câu 2:** Tại sao vào mùa hạ ở nước ta có thời gian ngày dài hơn đêm?

.....HẾT.....